



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 678 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 13 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 36/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai theo Quyết định 2391/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

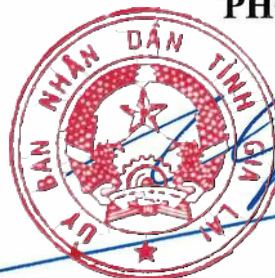
Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, KSTT, N5, PVHCC. *kh*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẮT BỎ TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 678 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (12 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI (03 TTHC)

STT	Tên TTHC Mã số TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
I. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường								
Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (02 TTHC)								
1	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận 1.014021.H21	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh -Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	-	- Luật đa dạng sinh học 2008; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2025/TT- BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Cấp tỉnh
2	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh -Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	-	- Luật đa dạng sinh học 2008; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Cấp tỉnh

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
	đa dạng sinh học 1.014022.H21		http://dichvucong.gov.vn				- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
II. Lĩnh vực Kiểm lâm (01 TTHC)								
03	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES 3.000496.H21	- Trường hợp không kiểm tra thực tế: 03 ngày làm việc (<i>không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu</i>). - Trường hợp kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh -Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	- Luật Lâm nghiệp 2017; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Cấp tỉnh

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
		thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES). - Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.						
Tổng cộng: 03 TTHC								

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ¹ VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (08 TTHC)

ST T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã TTHC	Mã TTHC								
A. Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)										
I. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2931/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
01	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng 1.011470.000. 00.00.H21	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyet nguồn vốn trồng rừng 1.011470.000.0 0.00.H21	- Đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyet phương án khai thác: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác:10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh - Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ:http://dic hvucong.gov .vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Mẫu tờ khai, tờ đơn; - Căn cứ pháp lý.	Thông tư số 26/2025/TT- BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-

¹ Thay thế tên thủ tục hành chính

ST T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã TTHC	Mã TTHC								
B. Lĩnh vực Kiểm lâm (04 TTHC)										
1. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2931/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
01	Xác nhận bảng kê lâm sản 1.000045.000.0 0.00.H21	Xác nhận bảng kê lâm sản 1.000045.000.00 .00.H21	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp đến Hạt Kiểm lâm (cơ quan Kiểm lâm sở tại) hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh. -Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Mẫu tờ khai, tờ đơn; - Căn cứ pháp lý.	Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-
02	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	06 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	- Trình tự thực hiện; - Thành phần	Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp	-

ST T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã TTHC	Mã TTHC								
	1.000047.000.0 0.00.H21	1.000047.000.00 .00.H21		hành chính cấp tỉnh -Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: http://dichvu cong.gov.vn				hồ sơ; - Mẫu tờ khai, tờ đơn; -Căn cứ pháp lý.	và Môi trường	
03	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ 3.000160.000.0 0.00.H21	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ 3.000160.000.00 .00.H21	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh -Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: http://dic hvucong.go v.vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Toàn trình	-	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Mẫu tờ khai, tờ đơn; -Căn cứ pháp lý.	- Nghị định số 102/2020/NĐ- CP ngày 01/9/2024 của Chính phủ - Nghị định số 120/2024/NĐ- CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2025/TT- BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-

II. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2931/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

ST T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã TTHC	Mã TTHC								
04	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES 1.004819.H21	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES 1.004819.H21	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc (không bao gồm trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam; Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu). - Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh -Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	Bổ sung căn cứ pháp lý	- Luật Lâm nghiệp 2017; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Cấp tỉnh

ST T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã TTHC	Mã TTHC								
			thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES) - Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích							

ST T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã TTHC	Mã TTHC								
			thương mại trong nước và xuất khẩu): 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.							
LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (03 TTHC)										
Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
01	Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ 1.008672.H21	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên 1.008672.H21	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính cấp xã -Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	Bổ sung căn cứ pháp lý	- Thông tư số 27/2025/TT- BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trừ loài thủy sản và loài nguy cấp quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ) -Thông tư số 26/2025/TT- BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp tỉnh

ST T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã TTHC	Mã TTHC								
									- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
02	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ 1.008675.H21	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ 1.008675.H21	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh -Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	Bổ sung căn cứ pháp lý	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-
03	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo	27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu	Tiếp nhận và trả kết	Một phần	-	Bổ sung căn cứ	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;	-

ST T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã TTHC	Mã TTHC								
	dạng sinh học 1.008682.H21	tồn đa dạng sinh học 1.008682.H21	hợp lệ.	điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh -Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: http://dic hvucong.go v.vn	quả			pháp lý	- Nghị định số 160/2013/NĐ- CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2025/TT- BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
Tổng cộng: 08 TTHC										

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (01 TTHC)

ST T	Tên thủ tục hành chính/Mã số thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			
I.	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM		
1	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES 1.004815.000.00.00.H08	Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 và Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 12/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
Tổng cộng: 01 TTHC			

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ (03 TTHC)

STT	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC	Mã số TTHC								
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (03 TTHC)										
Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
01	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện 1.011471.000.00.00. H21	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã 1.011471.000.00.00. H21	- Đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 10 ngày làm	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp xã/ Bộ phận Một cửa cấp xã -Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	-Trình tự thực hiện; -Thành phần hồ sơ; -Mẫu tờ khai, tờ đơn; -Căn cứ pháp lý.	Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp xã

STT	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC	Mã số TTHC								
			việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ							
Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
02	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng 1.012922.H21	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng 1.012922.H21	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp xã/ Bộ phận Một cửa cấp xã -Trực tuyến: qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ: http://dichvu cong.gov.vn	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	Bổ sung căn cứ pháp lý	- Nghị định số 140/2024/NĐ -CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ - Nghị định số 131/2025/NĐ -CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	Cấp xã
03	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	-	Căn cứ pháp lý	- Nghị định số 58/2024/NĐ- CP ngày 24/5/2024 của	Cấp xã

[illegible]